

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/DS-ST

Ngày: 13-3-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn B.

Bà Bùi Thị Thúy B.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1956 và bà Đoàn Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ: 165/85 HA, xã LT, huyện CL, tỉnh BT.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B trình bày:

Qua quen biết, bà Lê Thị Ngọc B có cho ông Nguyễn Văn P, bà Đoàn Thị C vay số tiền để trả Ngân hàng và trồng hoa cúc bán Tết, số tiền vay là 150.000.000đồng và 06 chỉ vàng 24kra, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng (4.000.000đồng/tháng), thời hạn vay 03 tháng từ ngày 15/07/2023 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2023 dương lịch) đến ngày 15/10/2023 âm lịch (nhằm ngày 27/11/2023 dương lịch), ông P, bà C sẽ thanh toán cho bà tiền lãi mỗi tháng, bắt đầu tháng đầu tiên vào ngày 30/9/2023 dương lịch, ông P + bà C có ký vào tờ hợp đồng vay tiền. Sau khi vay tiền, ông P + bà C có trả cho bà số tiền lãi 2 tháng là 10.000.000đồng thì không trả nữa, bà B đã nhiều lần yêu cầu ông P + bà C trả số tiền trên nhưng ông bà không trả.

Vì vậy, bà Lê Thị Ngọc B yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Đoàn Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền gốc là 150.000.000đồng và lãi là 0,83%/tháng từ ngày 15/07/2023 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2023 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm và số vàng là 6 chỉ vàng 24kra.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông

Nguyễn Văn P, bà Đoàn Thị C trình bày: Vào tháng 7/2017 âm lịch, do cần tiền để làm cây mít giống nên ông bà có vay của bà Lê Thị Ngọc B số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 24kra (vàng nhẫn) quy ra tiền thời điểm đó là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng, ông bà trả lãi hằng tháng cho bà B số tiền lãi là 3.600.000 đồng (6%/tháng), khi vay tiền thì có làm giấy tờ nhưng do bà B giữ. Ông bà đã đóng lãi đầy đủ cho bà B được 24 tháng (từ tháng 07/2017 âm lịch đến tháng 07/2019 âm lịch) với tổng số tiền là 86.400.000 đồng. Sau năm 2019, do không còn khả năng đóng lãi nên đến cuối năm 2022, bà C mới đóng thêm cho bà B 20.000.000 đồng tiền lãi. Cuối năm 2023, bà C có trả thêm cho bà B được 10.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng từ năm 2017 cho đến nay ông P, bà C đã đóng cho bà B là 116.400.000 đồng.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi và 06 chỉ vàng 24kra thì ông bà không đồng ý, bởi vì ông bà chỉ nợ bà B 40.000.000 đồng tiền gốc và 06 chỉ vàng 24kra. Ngoài ra, bà C còn cho rằng tiền lãi bà B nhận của ông bà là 6%/tháng chứ không phải 2,5%/tháng như bà B trình bày, thời gian vay cũng rất lâu rồi chứ không phải gần đây và ông P, bà C cho rằng không có nhận số tiền 150.000.000 đồng từ bà B như bà B đã trình bày. Do đó, ông P, bà C chỉ đồng ý trả cho bà B 40.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24kra, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và không đồng ý tính lãi tiếp trên số tiền này vì số tiền lãi ông bà đã đóng cho bà B trước đó đã quá nhiều, ông bà không còn khả năng đóng lãi tiếp.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn P và bà Đoàn Thị C liên đới trả cho bà B 06 chỉ vàng 24 kara và số tiền nợ gốc là 144.980.000 đồng, tiền lãi là 19.774.787 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà B yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Đoàn Thị C có địa chỉ tại ấp HA, xã LT, huyện CL, tỉnh BT trả cho bà số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24kra. Do đó, đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Đoàn Thị C trả cho bà 06 chỉ vàng 24kra và số tiền vay là 150.000.000 đồng. Bị đơn ông P, bà C cho rằng ông bà vay tiền của bà B từ tháng 7/2017 âm lịch, chỉ vay số tiền là 40.000.000 đồng và 6 chỉ vàng 24kra nhưng ông bà không cung

cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi đó bà B khẳng định bà không có giao dịch với ông P, bà C vào năm 2017 mà bà B có cho ông P, bà C vay tiền từ ngày 15/7/2023 âm lịch và cung cấp chứng cứ là “Tờ hợp đồng vay tiền” ngày 15/7/2023 âm lịch.

Xét “Tờ hợp đồng vay tiền” có nội dung ghi nhận: *Hôm nay ngày 15/7/2023 âm, tôi tên Nguyễn Văn P cùng vợ là Đoàn Thị C thường trú ấp HA, xã LT, huyện CL, BT. Vợ chồng tôi có vay của bà Lê Thị Ngọc B thường trú ấp LH, LT, CL, BT. Số tiền vay là 150.000.000đ, bằng chữ: một trăm năm mươi triệu đồng và 6 chỉ vàng 24kra (sáu chỉ vàng 24kra).* Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông P, bà C thừa nhận có vay của bà B số tiền, vàng để làm cây mít giống và có ký tên vào “Tờ hợp đồng vay tiền” ngày 15/7/2023 âm lịch. Đối với số tiền vàng, ông P, bà C thừa nhận có nhận của bà B 6 chỉ vàng, loại vàng nhẫn 24kra nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn đối với số tiền vay, ông P, bà C cho rằng ông bà chỉ nhận của bà B số tiền là 40.000.000đồng, do bà B cộng tiền lãi của 06 chỉ vàng 24kra nên làm biên nhận số tiền vay là 150.000.000đồng và yêu cầu ông bà ký tên, tuy nhiên ông P, bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà B không thừa nhận nên có cơ sở xác định ông P, bà C có vay của bà B 150.0000.000đồng.

Từ các căn cứ trên, HĐXX nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B: buộc ông P và bà C có trách nhiệm liên đới trả cho bà B 06 chỉ vàng, loại vàng nhẫn 24kra (vàng hiện tại có giá trị 9.200.000đồng /1chỉ vàng 24kra) và số tiền 150.000.000đồng.

[2.2] Về số tiền lãi: Nguyên đơn bà B cho rằng lãi suất thỏa thuận giữa bà B và ông P, bà C là 2,5%/tháng (đóng mỗi tháng 4.000.000đồng) và ông P bà C đã đóng được 10.000.000đồng tiền lãi thì không đóng nữa, nay bà B yêu cầu ông P, bà C trả tiền lãi của số tiền 150.000.000đồng từ thời điểm vay là ngày 15/7/2023 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2023 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/3/2025 dương lịch với mức lãi suất 0.83%/ 1tháng. Còn bị đơn ông P, bà C thì cho rằng lãi suất thỏa thuận là 6%/1tháng và ông bà đã đóng cho bà B số tiền lãi nhiều lần tổng cộng là 116.400.000 đồng, tuy nhiên bà B chỉ thừa nhận có nhận của ông bà số tiền lãi là 10.000.000đồng. Nhận thấy, ông P, bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền lãi mà ông bà đã giao cho bà B nên không có căn cứ xem xét và cũng không có cơ sở để xem xét việc bà B cho vay với mức lãi suất cao. Theo tờ hợp đồng vay tiền giữa ông P, bà C với bà B có ghi nhận lãi suất 2,5%/ 1tháng, thời gian trả lãi 3 tháng từ ngày 15/7/2023 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2023 dương lịch) đến ngày 15/10/2023 âm lịch (nhằm ngày 27/11/2023 dương lịch), hai bên thỏa thuận trả lãi hằng tháng nhưng bị đơn chỉ trả lãi được 2,5 tháng nên nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi từ ngày 15/7/2023 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2023dl) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/1tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

Lãi suất được tính như sau: $150.000.000\text{đồng} \times 0.83\%/tháng \times 18\text{ tháng}$ 13 ngày - 10.000.000đồng tiền lãi bà B thừa nhận = 12.949.500đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà ông P, bà C phải trả cho bà B là: 162.949.500đồng.

Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với 06 chỉ vàng 24kra.

[3] Về phát biểu và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn ông P, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với 06 chỉ vàng 24kra và số tiền 162.949.500đồng mà ông bà có trách nhiệm trả cho bà B. Tuy nhiên, ông P là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên ông P được miễn tiền án phí đối với phần án phí của ông theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 12, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê thị Ngọc B đối với ông Nguyễn Văn P, bà Đoàn Thị C.

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Đoàn Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ngọc B số tiền là **162.949.500đồng và 06 (sáu) chỉ vàng, loại vàng nhân 24 kra.**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Đoàn Thị C phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.907.000đồng.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Vì vậy, buộc bà Đoàn Thị C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.453.000đồng

Hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc B số tiền 5.386.000đồng mà bà B đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008861 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/3/2025).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã kí tên và đóng dấu)

